

Số: 66/BC-THGX

Giao Xuân, ngày 31 tháng 5 năm 2025

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Thời điểm 31/5/2025

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Giao Xuân.

#### 2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Địa chỉ: Thị Tứ - Giao Xuân – Giao Thủy – Nam Định

Website: <https://thgiaoxuan.namdinh.edu.vn> – Điện thoại: 0979743069

#### 3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Giao Thủy

#### 4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

##### 4.1. Tầm nhìn

Là một trong những trường Tiểu học chất lượng, có uy tín đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại.

##### 4.2. Sứ mệnh

Xây dựng môi trường học tập có nền nếp, kỷ luật, trách nhiệm, văn minh và chất lượng tốt để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

##### 4.3. Hệ thống giá trị cơ bản

Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nền nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên

#### 4.4. Mục tiêu chung.

Xây dựng thương hiệu nhà trường có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

#### 5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Giao Xuân có một điểm trường đặt tại trung tâm xã (thuộc Thị tứ xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định), số điện thoại trường: 0979743069, địa chỉ hòm thư điện tử: thgiaoxuan@gmail.com.

Trường Tiểu học Giao Xuân được thành lập năm 1954. Đến năm 1993 Trường Tiểu học Giao Xuân được chia tách từ trường phổ thông cơ sở. Tháng 8 năm 2022 trường được công nhận lại Trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ I theo Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh Nam Định; Trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn theo Quyết định số 2066/QĐ-SGDĐT ngày 18/8/2022 của sở GD&ĐT tỉnh Nam Định; Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 2065/QĐ-SGDĐT ngày 18/8/2022 của sở GD&ĐT tỉnh Nam Định.

Trường chỉ có một điểm trường, đây là điều kiện thuận lợi để trường nâng cao chất lượng mọi mặt. Được sự quan tâm của các cấp, các ban ngành, đoàn thể, phụ huynh học sinh và nhân dân địa phương, CSVN của nhà trường từng bước được đầu tư xây dựng. Trải qua quá trình xây dựng và trưởng thành, trường Tiểu học Giao Xuân đã có nhiều đổi mới và đạt được nhiều thành tích rất đáng tự hào.

Liên tục nhiều năm liền, từ năm học 2015-2016 đến nay trường luôn đạt danh hiệu “Tập thể Lao động Tiên tiến”, “Tập thể lao động Xuất sắc” và được UBND tỉnh tặng Bằng khen, luôn là trường đứng trong tốp đầu của huyện. Quy mô trường lớp phát triển, đội ngũ GV trẻ hóa, chất lượng GD không ngừng được nâng cao.

Năm học 2024-2025 trường Tiểu học Giao Xuân ổn định với quy mô 22 lớp, tổng số 37 cán bộ giáo viên, nhân viên.

Năm học	Tổng số lớp	Tổng số HS	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
2024 - 2025	22	635	116	135	119	139	126

Sự phát triển của nhà trường không thể không nói đến vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường. Từ khi thành lập trường được sự quan tâm của

Đảng bộ xã Giao Xuân. Nhà trường đã thành lập chi bộ trường Tiểu học Giao Xuân. Chi bộ đã có 20 đảng viên. Chi bộ tham gia tích cực các cuộc vận động của Đảng, Nhà nước, tuyên truyền và chỉ đạo các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của mình. Năm 2024 chi bộ trường Tiểu học Giao Xuân hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trong những năm qua, Công đoàn nhà trường, Đoàn thanh niên, Liên đội TNTP Hồ Chí Minh có nhiều đóng góp tích cực thúc đẩy các hoạt động trong nhà trường: tổ chức Vui hội trăng rằm, giao lưu văn nghệ, thể dục, thể thao chào mừng các ngày lễ lớn, các ngày kỉ niệm...được đông đảo HS và CMHS tham gia. Nhiều năm liền Liên đội được Hội đồng Đội huyện Giao Thủy tặng Giấy khen, Tỉnh Đoàn tặng Bằng khen.

Công đoàn nhà trường đã phát huy được vai trò của mình trong việc chăm lo đời sống tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Công đoàn là nơi gửi gắm tâm tư, nguyện vọng của anh chị em, đồng thời tổ chức cho cán bộ, giáo viên hưởng ứng các cuộc thi đua, các cuộc vận động của ngành, công đoàn nhà trường đã tổ chức các giải thể thao, cắm hoa, nấu ăn, tham quan trải nghiệm... tạo sân chơi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường trong những dịp thích hợp.

Quá trình hình thành và phát triển của trường Tiểu học Giao Xuân luôn được sự quan tâm của Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Giao Thủy, chính quyền địa phương xã Giao Xuân và sự ủng hộ của cha mẹ học sinh.

**Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử**

Người đại diện pháp luật: Ông Phạm Xuân Trường. Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Giao Xuân

Số điện thoại: '0979743069, Gmail: [phamxuantruong.gl.gt@gmail.com](mailto:phamxuantruong.gl.gt@gmail.com)

## **6. Tổ chức bộ máy**

**Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)**

Trường Tiểu học Giao Xuân có số điện thoại 0979743069, địa chỉ hòm thư điện tử: [thgiaoxuan@gmail.com](mailto:thgiaoxuan@gmail.com). Trường Tiểu học Giao Xuân được thành lập năm 1954. Đến năm 1993 Trường Tiểu học Giao Xuân được chia tách từ trường phổ thông cơ sở. Trường chỉ có một điểm trường. Đây là điều kiện thuận lợi để

trường nâng cao chất lượng mọi mặt. Được sự quan tâm của các cấp, các ban ngành, đoàn thể, cha mẹ học sinh và nhân dân địa phương, CSVN của nhà trường từng bước được đầu tư xây dựng. Hằng năm, địa phương có kế hoạch xây dựng, bổ sung thêm cơ sở vật chất đảm bảo điều kiện cho các hoạt động dạy và học của nhà trường. Trải qua nhiều năm xây dựng và trưởng thành, trường Tiểu học Giao Xuân đã có nhiều đổi mới và thành tích rất đáng ghi nhận. Quy mô trường lớp phát triển, đội ngũ GV trẻ hóa, chất lượng GD không ngừng được nâng cao.

**Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường.**

HĐT được thành lập theo quyết định số 6446/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Giao Thủy.

**Danh sách Hội đồng trường:**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ công tác	Chức vụ HĐT
1	Phạm Xuân Trường	31/01/1967	Phó Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Đinh Thị Hồng Thắm	16/12/1975	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Ngô Quang Chinh	31/8/1964	Giáo viên	Thư kí
4	Trần Thị Kim Huệ	02/09/1978	Phó Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
5	Hoàng Văn Cường	20/3/1991	Bí thư Đoàn trường	Thành viên
6	Bùi Thị Hòa	23/7/1985	Tổ trưởng tổ 1	Thành viên
7	Trần Thị Là	10/08/1988	Tổ trưởng tổ 2&3	Thành viên
8	Hoàng Thị Thanh Hà	15/01/1985	Tổ trưởng tổ 4&5	Thành viên
9	Trần Thị Liên	05/12/1986	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành viên
10	Đỗ Văn Nguyên	06/07/1981	Phó Chủ tịch UBND xã Giao Xuân	Thành viên
11	Lê Văn Du	25/6/1992	Trưởng ban đại diện CMHS	Thành viên

**a) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục.**

Quyết định điều động và bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 4653/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của chủ tịch UBND huyện Giao Thủy Về việc điều động

và bổ nhiệm viên chức quản lý trường học.

Quyết định điều động và bổ nhiệm phó Hiệu trưởng: Quyết định số 5550/QĐ-UBND ngày 6/10/2023 của chủ tịch UBND huyện Giao Thủy.

**Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục.**

**Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học Giao Xuân.**

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục;

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục**

Trường Tiểu học Giao Xuân là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Giao Thủy, thuộc địa bàn xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành cơ sở giáo dục tin cậy đối với CMHS và cộng đồng;

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế- xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về

giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường;

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình GDPT 2018 do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các hoạt động giáo dục;

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho GV, nhân viên, HS tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

#### **Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục**

- + 01 Hội đồng trường với 11 thành viên
- + 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường)
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 20 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 37 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 15 đoàn viên.
- + Ban đại diện CMHS Các tổ chuyên môn: 3 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

**b) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.**

STT	Họ tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Phạm Xuân Trường	Hiệu trưởng	0979743069	<a href="mailto:phamxuantruong.gl.gt@gmail.com">phamxuantruong.gl.gt@gmail.com</a>

2	Đinh Thị Hồng Thắm	Phó Hiệu trưởng	0967303758	<a href="mailto:dinhthihongtham.gl@gmail.com">dinhthihongtham.gl@gmail.com</a>
---	--------------------	-----------------	------------	--

## **7. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục**

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và các quy định, quy chế nội bộ khác.

Kế hoạch số 70a/KH-THGX ngày 30/5/2024 Kế hoạch tuyển sinh năm học 2024 – 2025.

Kế hoạch số 85a/KH -THGX ngày 23/8/2024 Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên năm học 2024 – 2025

Kế hoạch số 83/KH-THGX ngày 20/8/2024 kế hoạch quản lý, sử dụng, trang thiết bị cơ sở vật chất của trường năm học 2024-2025

Kế hoạch số 76/KH-THGX ngày 01/8/2024 kế hoạch phân công chuyên môn năm học 2024–2025

Kế hoạch số 76.2/KH -THGX ngày 08/8/2024 kế hoạch vận động tài trợ năm học 2024 – 2025

Kế hoạch số 99/KH -THGX ngày 26/8/2024 kế hoạch tổ chức khai giảng năm học 2024 - 2025

Kế hoạch số 109/KH -THGX ngày 30/8/2024 của trường Tiểu học Giao Xuân về việc thực hiện nhiệm vụ năm học.

Kế hoạch số 110/KH -THGX ngày 30/8/2024 kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025.

Kế hoạch số 140/KH -THGX ngày 25/9/2024 kế hoạch thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập do tỉnh quản lý năm học 2024-2025

Kế hoạch số 115b/KH -THGX ngày 15/9/2024 Kế hoạch nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CĐS) năm học 2024-2025

Kế hoạch số 139/KH -THGX ngày 20/9/2024 Kế hoạch công tác giáo dục chính trị và công tác học sinh; An ninh, an toàn trường học, phòng, chống tai nạn thương tích; Y tế trường học; giáo dục thể chất năm học 2024-2025

Kế hoạch số 113a/KH -THGX ngày 10/9/2024 kế hoạch KTNB năm học 2024-2025

Kế hoạch số 144/KH -THGX ngày 27/9/2024 Kế hoạch thực hiện quy định về công khai

Kế hoạch số 139a/KH -THGX ngày 25/9/2024 Thực hiện công tác pháp chế năm học 2024 - 2025

Kế hoạch số 145/KH -THGX ngày 04/10/2024 Tổ chức họp CMHS đầu năm năm học 2024-2025

Kế hoạch số 154/KH -THGX ngày 05/11/2024 Kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng 42 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11

Kế hoạch số 04/KH -THGX ngày 10/01/2025 Kế hoạch phòng, chống tham nhũng năm 2025

Kế hoạch số 09/KH -THGX ngày 13/01/2025 Kế hoạch phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn năm 2025

Kế hoạch số Số 13/KH-THGX ngày 20/01/2025 Kế hoạch tổ chức Sơ kết học kì I năm học 2024-2025 và Tết trồng cây năm 2025.

Kế hoạch số Số 18/KH-THGX ngày 14/02/2025 về Công tác văn thư, lưu trữ năm 2025

Kế hoạch số 60/KH -THGX ngày 22/5/2025 Tổ chức lễ tổng kết năm học 2024 – 2025

Kế hoạch số 61/KH -THGX ngày 22/5/2025 phòng chống bão lụt và cứu hộ, cứu nạn năm 2025

Quy chế Số 01/QCCTNB-THGX ngày 01 tháng 01 năm 2025 quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025

Quy chế Số 140/QCHĐT-THGX ngày 22 tháng 8 năm 2025 Quy chế hoạt động của Hội đồng trường năm học 2024 – 2025.

Quy chế Số 120/QCKTr-THGX ngày 18 tháng 9 năm 2024 Quy chế làm việc của Ban kiểm tra nội bộ.

Quy chế Số 125/QCHĐT-THGX ngày 18 tháng 9 năm 2024 quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường

Quy tắc Số 127/QTUX-THGX ngày 18 tháng 9 năm 2024 quy tắc ứng xử trong nhà trường năm học 2024 - 2025.

Quy chế Số 129/QCLV-THGX ngày 18 tháng 9 năm 2024 Quy chế làm việc trong nhà trường năm học 2023 - 2024.

Quy chế Số 131/QCCM-THGX ngày 18 tháng 9 năm 2024 Quy chế thực

hiện nhiệm vụ chuyên môn năm học 2024-2025

Quy chế Số 133/QCTĐKT-THGX ngày 18 tháng 9 năm 2024 Quy chế thi đua, khen thưởng năm học 2024 - 2025

Quy chế Số 94/QCCK-THGX ngày 23 tháng 8 năm 2024 Quy chế này quy định về thực hiện công khai đối với Trường Tiểu học Giao Xuân

Quy chế Số 98/QCTĐKT-THGX ngày 23 tháng 8 năm 2024 quản lý, sử dụng tài sản công

Quy trình Số 135/QT-THGX ngày 19 tháng 9 năm 2024 Quy trình Về tiếp công dân và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, đơn phản ánh, kiến nghị liên quan đến khiếu nại, tố cáo của Trường Tiểu học Giao Xuân

Quy chế Số 137/QC-BDDCMHS ngày 21 tháng 9 năm 2024 Quy chế hoạt động của Ban Đại diện Cha Mẹ học sinh Năm học 2024 -2025

Quy chế Số 147/QCKTr-THGX ngày 07 tháng 10 năm 2024 Quy chế Phối hợp giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục năm học 2024 - 2025.

Đề án Số 23/ĐAVTVL-THGX ngày 10 tháng 3 năm 2025 Đề án vị trí việc làm trường Tiểu học Giao Xuân.

Quy chế Số 36/QCĐGVC-THGX ngày 06 tháng 5 năm 2025 Quy chế đánh giá chất lượng viên chức, người lao động trong trường tiểu học Giao Xuân.

### **Chiến lược phát triển nhà trường:**

Nhà trường đã xây dựng được phương hướng, chiến lược phát triển giai đoạn 2018 - 2023 tầm nhìn đến năm 2030:

Phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường đã được Phòng GD&ĐT huyện Giao Thủy phê duyệt ngày 09 tháng 9 năm 2018. Phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường được niêm yết công khai tại phòng Hội đồng nhà trường. Hiệu trưởng ra quyết định công khai theo quyết định số 32/QĐ-THGX ngày 15 tháng 11 năm 2018 kèm theo biên bản bắt đầu công khai ngày 11 tháng 12 năm 2018 và biên bản kết thúc công khai ngày 08 tháng 01 năm 2019. Ngoài ra còn được công khai tới CMHS toàn trường trong cuộc họp ngày 20 tháng 01 năm 2019. Từ khi chiến lược xây dựng và phát triển được công khai đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp trong đó tập trung góp ý kiến vào các giải pháp để kế hoạch chiến lược thực hiện đúng tiến độ và mang tính khả thi cao.

### **Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục:**

Quyết định số 124/QĐ-THGX ngày 18/9/2024 về việc ban hành quy chế

thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường năm học 2024-2025;

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	37	0	0	31	5	1	0	1	28	8	16	10	8	
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	32	0	0	27	5			0	27	5	14	10	8	
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	9			7	2				8	1	4	4	1	
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	2			2					2		2			
3	Tin học	1			1					1			1		
4	Âm nhạc	2			1	1						2			
5	Mỹ thuật												1	1	
6	Thể dục									1	1		2		
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	2			2						2	2			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1	1			
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	3			2		2		1	2					
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1					1					
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1		1						
5	Nhân viên thư viện	1			1					1					
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	...														

Về bồi dưỡng thường xuyên kết quả như sau:

- Tổng số CBQL, giáo viên hoàn thành BDTX năm học 2024 – 2025 của

trường: 34/34, Tỷ lệ: 100%. Trong đó: Đạt (Hoàn thành): 34/34 = 100%; Chưa đạt (chưa hoàn thành): 0/34 = 0%

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT.

#### 1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất.

- Trường, lớp phù hợp tạo điều kiện cho trẻ em đi học thuận lợi.  
 - Phòng học: 28 phòng/28 lớp, an toàn, có bảng, đủ bàn 2 chỗ, ghế 1 chỗ đúng qui cách cho học sinh, GV; đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông; có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học; có các phương tiện hiện đại như tivi, máy tính, mạng internet, loa...có điều kiện tối thiểu dành cho HS khuyết tật học tập thuận lợi.

- Có các phòng chức năng theo quy định và trong phòng có đủ các phương tiện thiết bị cần thiết để phục vụ cho hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường.

- Có sân chơi, sân tập với tổng diện tích chiếm trên 30%.

- Có công, tường bao, nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước, có khu để xe, khu vệ sinh sạch sẽ, thuận tiện dành cho nam, nữ, HS, GV; đảm bảo môi trường xanh-sạch-đẹp-an toàn và thân thiện; không có hàng quán, nhà ở trong trường.

Sau đây là bảng minh chứng cho thông tin cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung bao gồm:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
a)	Điểm trường, diện tích		
1	Số điểm trường lẻ	1	-
2	Tổng diện tích đất (m <sup>2</sup> )	8993 m <sup>2</sup> /635 học sinh	14,07 m <sup>2</sup> /10 m <sup>2</sup> vượt quy định
3	Diện tích sân chơi, bãi tập (m <sup>2</sup> )	4350 m <sup>2</sup>	Đáp ứng yêu cầu
4	Tổng diện tích các phòng	1902 m <sup>2</sup>	Đáp ứng yêu cầu
4.1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	50=>60 m <sup>2</sup>	Đáp ứng yêu cầu
4.2	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	100	Đáp ứng yêu cầu
4.3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m <sup>2</sup> )		
4.4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m <sup>2</sup> )	50	Đáp ứng yêu cầu
4.5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m <sup>2</sup> )	60	Đáp ứng yêu cầu
4.6	Diện tích phòng học tin học (m <sup>2</sup> )	60	Đáp ứng yêu cầu
4.7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m <sup>2</sup> )	50	Đáp ứng yêu cầu
4.8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m <sup>2</sup> )	30	Đáp ứng yêu cầu

4.9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m <sup>2</sup> )		60	Đáp ứng yêu cầu		
b)	Số lượng, khối phòng học					
1	Số phòng học/số lớp		22/22	Số m <sup>2</sup> /học sinh		
2	Loại phòng học			-		
2.1	Phòng học kiên cố		22/22	1 phòng/ đủ theo quy định		
2.2	Phòng học bán kiên cố			-		
2.3	Phòng học tạm			-		
2.4	Phòng học nhờ, mượn			-		
c)	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b> (Đơn vị tính: bộ)			Số bộ/lớp		
1	Tổng số bộ thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định					
1.1	Khối lớp 1		3	30 (Đã hỏng gần hết thanh lý) chưa đáp ứng với thông tư 37		
1.2	Khối lớp 2		2	30 (Đã hỏng gần hết thanh lý) chưa đáp ứng với thông tư 37		
1.3	Khối lớp 3		2	30 (Đã hỏng gần hết thanh lý) chưa đáp ứng với thông tư 37		
1.4	Khối lớp 4		1	30 (Đã hỏng gần hết thanh lý) chưa đáp ứng với thông tư 37		
1.5	Khối lớp 5		2	30 (Đã hỏng gần hết thanh lý) chưa đáp ứng với thông tư 37		
2	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		18	Số học sinh/bộ 2HS/bộ		
2.1	Tổng số thiết bị dùng chung khác			Số thiết bị/lớp		
2.2	Ti vi		30	1		
2.3	Cát xét					
2.4	Đầu Video/đầu đĩa		2			
2.5	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		0			
2.6	Thiết bị khác...					
3	Nhà bếp		0			
4	Nhà ăn		0			
5	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú		0			
6	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ

6.1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		0,2
6.2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
	<b>Nội dung</b>	<b>Có</b>		<b>Không</b>		
7	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X				
8	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X				
9	Kết nối internet	X				
10	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X				
11	Tường rào xây	X				

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m <sup>2</sup> )	8993 m <sup>2</sup> /630 học sinh	8993 m <sup>2</sup> /635 học sinh
2	Diện tích sàn/người học (m <sup>2</sup> )	1902 m <sup>2</sup> /630	1902 m <sup>2</sup> /635
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	100%	100%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	7443	7443
5	Số bản sách/người học	7443 /635	7443 /635
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	100%	100%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	200 Mbps/829	200 Mbps/862

## 2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn (m <sup>2</sup> )
1	Trụ sở chính	Thị Tứ - Giao Xuân- Giao Thủy Nam Định	8993 m <sup>2</sup>	8993 m <sup>2</sup>
2	Cơ sở...	0	0	0
3	Phân hiệu...	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>			8993 m <sup>2</sup>	8993 m <sup>2</sup>

## 3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm <sup>11</sup>	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới tòa nhà...	0	0
2	Nâng cấp tòa nhà...	0	0

3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm...	0	0
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm...	0	0
<b>Tổng cộng</b>			0

d) Danh mục SGK sử dụng trong cơ sở giáo dục.

Căn cứ công văn số 286 /PGDDĐT của Phòng GD&ĐT Giao Thủy ngày 11 tháng 04 năm 2025 về việc tăng cường công tác quản lý về việc lựa chọn, hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa trong các cơ sở giáo dục phổ thông năm học 2025-2026. Trường Tiểu học Giao Xuân đã ra Thông báo số 32/TB-THGX ngày 18/4/2025 Về việc chuẩn bị sách giáo khoa lớp 1,2,3,4,5 được lựa chọn để sử dụng trong năm học 2025 -2026 như sau:

**DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 1  
NĂM HỌC 2025-2026**

Số TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản/ Bộ sách	Ghi chú
1	Tiếng Việt 1 tập 1	GS.TS Nguyễn Minh Thuyết	Cánh diều	
2	Tiếng Việt 1 tập 2	GS.TS Nguyễn Minh Thuyết	Cánh diều	
3	Toán 1, tập 1	Trần Diên Hiển (CB)	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong GD	
4	Toán 1, tập 2	Trần Diên Hiển (CB)	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong GD	
5	Đạo đức 1	Phạm Quỳnh (CB)	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong GD	
6	Tự nhiên và Xã hội 1	PGS.TS Mai Sỹ Tuấn	Cánh diều	
7	Âm nhạc 1	Hoàng Long (Tổng CB kiêm CB)	Cùng học để phát triển năng lực	
8	Mĩ thuật 1	Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (đồng CB)	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong GD	
9	Hoạt động trải nghiệm 1B	Bùi Ngọc Diệp, Phó Đức Hòa ( đồng CB)	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong GD	

**DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2  
NĂM HỌC 2025-2026**

Số TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản/ Bộ sách	Ghi chú
1	Tiếng Việt 2, tập một	Bùi Mạnh Hùng	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

2	Tiếng Việt 2, tập hai	Bùi Mạnh Hùng	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Toán 2, tập một	Hà Huy Khoái	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Toán 2, tập hai	Hà Huy Khoái	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Tự nhiên và Xã hội 2	Vũ Văn Hùng	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 2	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ thuật 2	Nguyễn Xuân Tiên, Nguyễn Thị Nhung	Chân trời sáng tạo	
9	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

**DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 3  
NĂM HỌC 2025-2026**

Số TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản/ Bộ sách	Ghi chú
1	Tiếng Việt 3 - Tập 1	Bùi Mạnh Hùng (TCB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Tiếng Việt 3 - Tập 2	Bùi Mạnh Hùng (TCB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Toán 3 tập 1	Hà Huy Khoái (TCB), Lê Anh Vinh (CB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Toán 3 tập 2	Hà Huy Khoái (TCB), Lê Anh Vinh (CB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Đạo Đức 3	Nguyễn Thị Toan (TCB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (TCB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (TCB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc 3	Hoàng Long - Đỗ Thị Minh Chính	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

				Nam	
9	Mĩ thuật 3	Nguyễn Thị Nhung (TCB)	Chân trời sáng tạo		
10	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (TCB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
11	Tin học 3	Nguyễn Chí Công (TCB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
12	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (TCB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
13	Tiếng Anh 3 tập 1 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
14	Tiếng Anh 3 tập 2 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

**DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 4  
NĂM HỌC 2025-2026**

<b>Số TT</b>	<b>Tên sách</b>	<b>Tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản/ Bộ sách</b>	<b>Ghi chú</b>	
1	Tiếng Việt 4 - Tập 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
2	Tiếng Việt 4 - Tập 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
3	Toán 4 tập 1	Hà Huy Khoái ( Tổng CB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
4	Toán 4 tập 2	Hà Huy Khoái ( Tổng CB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
5	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
6	Lịch sử và Địa lý 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử),	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
7	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
8	Tin học 4	Nguyễn Chí Công ( Tổng CB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
9	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

10	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
11	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên)	Chân trời sáng tạo		
12	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
13	Tiếng Anh 4 tập 1 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
14	Tiếng Anh 4 tập 2 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

**DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 5  
NĂM HỌC 2025-2026**

Số TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản/ Bộ sách	Ghi chú	
1	Tiếng Việt 5, tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
2	Tiếng Việt 5, tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
3	Toán 5 tập 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
4	Toán 5 tập 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
5	Đạo đức 5 - KNTT	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
6	Mĩ thuật 5 (bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
7	Lịch sử và Địa lí	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí),	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
8	Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
9	Công nghệ 5 - KNTT	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
10	Âm nhạc 5 - KNTT	Đỗ T Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn T Thanh Bình (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
11	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

12	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
13	Tiếng Anh 5 tập 1 -Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên)			
14	Tiếng Anh 5 tập 2 -Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên)			

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia Nhà trường tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông; Năm học 2024- 2025 nhà trường hàng năm có xây dựng kế hoạch, tập hợp minh chứng, tiến hành tự đánh giá, xây dựng kế hoạch cải tiến, đến nay trường Tiểu học Giao Xuân vẫn duy trì và giữ vững trường kiểm định chất lượng cấp độ 2.

+ Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

+ Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên. Cụ thể:

#### 1. Kết quả đánh giá

##### 1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<b>Tiêu chuẩn 1</b>				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	---
Tiêu chí 1.3		x	x	x

Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	---
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	---
Tiêu chí 1.8		x	x	---
Tiêu chí 1.9		x	x	---
Tiêu chí 1.10		x	x	---
<b>Tiêu chuẩn 2</b>				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
<b>Tiêu chuẩn 3</b>				
Tiêu chí 3.1		x	x	---
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	---
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
<b>Tiêu chuẩn 4</b>				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
<b>Tiêu chuẩn 5</b>				
Tiêu chí 5.1		x	x	---
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

**Kết quả:** Đạt Mức 2

**1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4**

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		x	
Tiêu chí 2		x	
Tiêu chí 3		x	
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5		x	

**Kết quả:** Không đạt

## 2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.

### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC.

#### 1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

Thực hiện Hướng dẫn số 178/HD-PGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Giao Thủy về việc tuyển sinh vào lớp 1 năm học 2024–2025, trường Tiểu học Giao Xuân xét tuyển sinh lớp 1 năm học 2024 - 2025 như sau:

+ Đối tượng xét tuyển:

- Trẻ 6 tuổi ( tức trẻ sinh năm 2018 ); không xét tuyển trẻ sinh sau năm 2018.
- Trẻ khuyết tật diện hòa nhập ( chưa học lớp 1).
- Không tuyển sinh trẻ trái tuyển (Tức là học sinh không có hộ khẩu tại Giao Xuân)

+ Chỉ tiêu xét tuyển

- Huy động 100 % trẻ em sinh năm 2018 trên địa bàn xã vào học lớp 1.
- Huy động trẻ em đến tuổi đi học mà chưa vào học lớp 1.
- Vận động tất cả học sinh bỏ học lớp 1 từ những năm học trước (nếu có) vào học lớp 1 năm học 2024-2025.
- Huy động trẻ em khuyết tật trong độ tuổi ra lớp học hòa nhập.

+ Hồ sơ xét tuyển: Gồm 1 túi hồ sơ trong đó có:

- Đơn xin học lớp 1;
- Giấy khai sinh: 01 giấy khai sinh bản sao hợp lệ

+ Thời gian xét tuyển từ ngày 28 - 10/6/ 2024

+ Hình thức xét tuyển: Trực tiếp

\* Kết quả tuyển sinh: Năm học 2024-2025 nhà trường tuyển sinh 4 lớp 1 với tổng số học sinh là: 120/120 HS đạt 100%

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục

Tiếp tục phát huy và nâng cao chất lượng HS đại trà, năng khiếu, các mũi nhọn, hoạt động ngoài giờ lên lớp...phần đầu xếp tốp đầu của huyện. Chỉ tiêu phần đầu trong năm học 2024 - 2025:

Tiếp tục phát huy và nâng cao chất lượng HS đại trà, năng khiếu, các mũi nhọn, hoạt động ngoài giờ lên lớp...phần đầu xếp tốp đầu của huyện. Chỉ tiêu phần đầu trong năm học 2024 - 2025:

- Các nội dung đánh giá về năng lực, phẩm chất học sinh đạt từ 99,5% trở lên đạt loại tốt và đạt.
- Xếp loại mức độ từng môn học và các hoạt động giáo dục.

- + Hoàn thành tốt: 50 % trở lên
- + Chưa hoàn thành: không quá 0,5%
- + Còn lại là Hoàn thành.
- Tổng hợp kết quả giáo dục cuối năm học:

- + Hoàn thành xuất sắc 20% trở lên
- + Chưa hoàn thành: không quá 0,5%
- + Còn lại là Hoàn thành tốt và Hoàn thành

- Lớp 1, 2, 3, 4: 100% học sinh hoàn thành chương trình lớp học
- Lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học 100%

- Các cuộc thi, giao lưu như: Hùng biện tiếng Anh, TDTT, PTNL, cảnh quan môi trường, cơ sở vật chất, cuộc thi khác... được xếp thứ 1 - 7 của huyện. Thi chữ đẹp, toán tuổi thơ, Trạng nguyên Tiếng Việt, các cuộc giao lưu tự nguyện phần đầu nhiều HS đạt giải Tỉnh.

- Khen thưởng cuối năm: Chọn khoảng 20% trong số học sinh đạt mức HS hoàn thành xuất sắc (tặng danh hiệu Học sinh Xuất sắc); 30% số HS được đánh giá kết quả giáo dục đạt mức Hoàn thành tốt, đồng thời có thành tích xuất sắc về ít nhất một môn học hoặc có tiến bộ rõ rệt ít nhất một phẩm chất, năng lực; được tập thể lớp công nhận (danh hiệu Học sinh Tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện) tặng giấy khen và phần thưởng, Khen thưởng đột xuất: học sinh có thành tích đột xuất trong năm học.

c) Quy chế phối hợp giữa các cơ sở giáo dục với gia đình, xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh.

Trong năm học qua, nhà trường luôn coi trọng việc xây dựng và thực hiện Quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác chăm sóc, giáo dục học sinh tiểu học. Nhà trường thường xuyên tổ chức các cuộc họp phụ huynh, gặp gỡ, trao đổi với cha mẹ học sinh để kịp thời nắm bắt tình hình học tập, sức khỏe, tâm lý và các biểu hiện đặc biệt của các em. Ngoài ra, nhà trường còn phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Khuyến học, Hội cựu giáo chức... để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, vui chơi, rèn luyện kỹ năng sống và giáo dục đạo đức cho học sinh. Các hoạt động phối hợp này đã góp phần tạo nên môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, giúp học sinh phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tình cảm và kỹ năng. Sự gắn kết giữa nhà trường, gia đình và xã hội là yếu tố quan trọng giúp nâng cao chất lượng giáo dục và tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh học tập, rèn luyện.

d) Chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh

Nhà trường đã triển khai nhiều chương trình và hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh phát triển toàn diện. Về học tập, nhà trường tổ chức các lớp phụ đạo, bồi dưỡng học sinh chưa hoàn thành và học sinh có năng khiếu theo từng môn học. Các câu lạc bộ học tập như Câu lạc bộ Toán học, Tiếng Việt, Tiếng Anh... cũng được duy trì và phát huy hiệu quả. Về rèn luyện kỹ năng, học sinh được tham gia các buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp theo chủ điểm, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi. Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể tổ chức các cuộc thi, hội thi như: Vẽ tranh, Kể chuyện, Rung chuông vàng, Giao lưu học sinh tiểu học... để học sinh thể hiện năng lực, phát triển sở trường. Các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ cũng được chú trọng, giúp học sinh rèn luyện sức khỏe, tinh thần đoàn kết và sự tự tin trong giao tiếp. Tất cả các hoạt động đều được xây dựng phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi tiểu học, tạo môi trường học đường thân thiện, tích cực.

## **2. Thống kê kết quả đánh giá theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp**

### *a) Kết quả tuyển sinh vào lớp 1*

\* Kết quả tuyển sinh: Năm học 2024-2025 nhà trường tuyển sinh 4 lớp 1 với tổng số học sinh là: 120 HS

### **\* Tổng số học sinh: Thời điểm tháng 5/2025)**

Khối	Số lớp	Số HS	Nữ	HS K T	Con TB,LS	Con hộ		Ghi chú
						nghèo	cận nghèo	
1	4	116	55	3	0	0	0	
2	5	135	64	1	0	1	3	
3	4	119	50	1	0	0	0	
4	5	139	64	1	0	1	2	
5	4	126	72	2	0	0	1	
<b>Cộng</b>	<b>22</b>	<b>635</b>	<b>305</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>6</b>	

*b) Kết quả đánh giá theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp*

## **THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN, HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC NĂM HỌC 2024-2025**

Nội dung tiêu chí	Số số	Tổng số HS có KQĐ G	Tỉ lệ %	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
				Số lượng	Tỉ lệ%	Số lượng	Tỉ lệ%	Số lượng	Tỉ lệ%	Số lượng	Tỉ lệ%	Số lượng	Tỉ lệ%

<b>I. Kết quả học tập</b>													
<b>1. Tiếng Việt</b>	<b>635</b>	<b>635</b>	<b>100.0 %</b>	116	100.0 %	135	100.0 %	119	100.0 %	139	100.0 %	126	100.0 %
Hoàn thành tốt		<b>402</b>	<b>63.3 %</b>	70	60.3%	82	60.7%	73	61.3%	95	68.3%	82	65.1%
Hoàn thành		<b>230</b>	<b>36.2 %</b>	44	37.9%	52	38.5%	46	38.7%	44	31.7%	44	34.9%
Chưa hoàn thành		<b>3</b>	<b>0.5%</b>	2	1.7%	1	0.7%						
<b>2. Toán</b>	<b>635</b>	<b>635</b>	<b>100.0 %</b>	116	100.0 %	135	100.0 %	119	100.0 %	139	100.0 %	126	100.0 %
Hoàn thành tốt		<b>399</b>	<b>62.8 %</b>	73	62.9%	86	63.7%	78	65.5%	78	56.1%	84	66.7%
Hoàn thành		<b>233</b>	<b>36.7 %</b>	41	35.3%	48	35.6%	41	34.5%	61	43.9%	42	33.3%
Chưa hoàn thành		<b>3</b>	<b>0.5%</b>	2	1.7%	1	0.7%						
<b>3. Đạo đức</b>	<b>635</b>	<b>635</b>	<b>100.0 %</b>	116	100.0 %	135	100.0 %	119	100.0 %	139	100.0 %	126	100.0 %
Hoàn thành tốt		<b>452</b>	<b>71.2 %</b>	92	79.3%	108	80.0%	81	68.1%	89	64.0%	82	65.1%
Hoàn thành		<b>183</b>	<b>28.8 %</b>	24	20.7%	27	20.0%	38	31.9%	50	36.0%	44	34.9%
Chưa hoàn thành													
<b>4. Tự nhiên và Xã hội</b>	<b>635</b>	<b>370</b>	<b>58.3 %</b>	116	100.0 %	135	100.0 %	119	100.0 %				
Hoàn thành tốt		<b>234</b>	<b>36.9 %</b>	72	62.1%	84	62.2%	78	65.5%				
Hoàn thành		<b>136</b>	<b>21.4 %</b>	44	37.9%	51	37.8%	41	34.5%				
Chưa hoàn thành													
<b>5. Khoa học</b>	<b>265</b>	<b>265</b>	<b>100.0 %</b>							139	100.0 %	126	100.0 %
Hoàn thành tốt		<b>175</b>	<b>66.0 %</b>							89	64.0%	86	68.3%
Hoàn thành		<b>90</b>	<b>34.0 %</b>							50	36.0%	40	31.7%
Chưa hoàn thành													
<b>6. LS&amp;ĐL</b>	<b>265</b>	<b>265</b>	<b>100.0 %</b>							139	100.0 %	126	100.0 %
Hoàn thành tốt		<b>162</b>	<b>61.1 %</b>							87	62.6%	75	59.5%
Hoàn thành		<b>103</b>	<b>38.9 %</b>							52	37.4%	51	40.5%
Chưa hoàn thành													
<b>7. Nghệ thuật (Âm nhạc)</b>	<b>635</b>	<b>635</b>	<b>100.0 %</b>	116	100.0 %	135	100.0 %	119	100.0 %	139	100.0 %	126	100.0 %

Hoàn thành tốt		487	76.7 %	91	78.4%	100	74.1%	92	77.3%	110	79.1%	94	74.6%
Hoàn thành		148	23.3 %	25	21.6%	35	25.9%	27	22.7%	29	20.9%	32	25.4%
Chưa hoàn thành													
<b>8. Nghệ thuật (Mĩ thuật)</b>	635	635	100.0 %	116	100.0 %	135	100.0 %	119	100.0 %	139	100.0 %	126	100.0 %
Hoàn thành tốt		419	66.0 %	74	63.8%	94	69.6%	80	67.2%	90	64.7%	81	64.3%
Hoàn thành		216	34.0 %	42	36.2%	41	30.4%	39	32.8%	49	35.3%	45	35.7%
Chưa hoàn thành													
<b>9. Hoạt động trải nghiệm</b>	635	635	100.0 %	116	100.0 %	135	100.0 %	119	100.0 %	139	100.0 %	126	100.0 %
Hoàn thành tốt		402	63.3 %	72	62.1%	84	62.2%	78	65.5%	86	61.9%	82	65.1%
Hoàn thành		233	36.7 %	44	37.9%	51	37.8%	41	34.5%	53	38.1%	44	34.9%
Chưa hoàn thành													
<b>10. Giáo dục thể chất</b>	635	635	100.0 %	116	100.0 %	135	100.0 %	119	100.0 %	139	100.0 %	126	100.0 %
Hoàn thành tốt		439	69.1 %	72	62.1%	98	72.6%	82	68.9%	98	70.5%	89	70.6%
Hoàn thành		196	30.9 %	44	37.9%	37	27.4%	37	31.1%	41	29.5%	37	29.4%
Chưa hoàn thành													
<b>11. TH-CN (Công nghệ)</b>	384	384	100.0 %					119	100.0 %	139	100.0 %	126	100.0 %
Hoàn thành tốt		224	58.3 %					69	58.0%	80	57.6%	75	59.5%
Hoàn thành		160	41.7 %					50	42.0%	59	42.4%	51	40.5%
Chưa hoàn thành													
<b>12. TH-CN (Tin học)</b>	635	384	60.5 %					119	100.0 %	139	100.0 %	126	100.0 %
Hoàn thành tốt		253	39.8 %					72	60.5%	91	65.5%	90	71.4%
Hoàn thành		131	20.6 %					47	39.5%	48	34.5%	36	28.6%
Chưa hoàn thành													
<b>13. Ngoại ngữ</b>	635	384	60.5 %					119	100.0 %	139	100.0 %	126	100.0 %

Hoàn thành tốt		246	38.7%					71	59.7%	83	59.7%	92	73.0%
Hoàn thành		138	21.7%					48	40.3%	56	40.3%	34	27.0%
Chưa hoàn thành													
<b>14. Tiếng dân tộc</b>													
Hoàn thành tốt													
Hoàn thành													
Chưa hoàn thành													
<b>II. Năng lực cốt lõi</b>													
<b>Năng lực chung</b>													
<b>Tự chủ và tự học</b>	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		524	82.5%	97	83.6%	112	83.0%	100	84.0%	117	84.2%	98	77.8%
Đạt		111	17.5%	19	16.4%	23	17.0%	19	16.0%	22	15.8%	28	22.2%
Cần cố gắng													
<b>Giao tiếp và hợp tác</b>	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		529	83.3%	97	83.6%	112	83.0%	105	88.2%	117	84.2%	98	77.8%
Đạt		106	16.7%	19	16.4%	23	17.0%	14	11.8%	22	15.8%	28	22.2%
Cần cố gắng													
<b>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</b>	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		528	83.1%	97	83.6%	111	82.2%	105	88.2%	117	84.2%	98	77.8%
Đạt		107	16.9%	19	16.4%	24	17.8%	14	11.8%	22	15.8%	28	22.2%
Cần cố gắng													
<b>Năng lực đặc thù</b>													
<b>Ngôn ngữ</b>	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		448	70.6%	73	62.9%	95	70.4%	99	83.2%	100	71.9%	81	64.3%
Đạt		187	29.4%	43	37.1%	40	29.6%	20	16.8%	39	28.1%	45	35.7%
Cần cố gắng													
<b>Tính toán</b>	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%

Tốt		437	68.8%	74	63.8%	98	72.6%	99	83.2%	84	60.4%	82	65.1%
Đạt		198	31.2%	42	36.2%	37	27.4%	20	16.8%	55	39.6%	44	34.9%
Cần cố gắng													
<b>Tin học</b>	384	384	100.0%					119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		272	70.8%					95	79.8%	92	66.2%	85	67.5%
Đạt		112	29.2%					24	20.2%	47	33.8%	41	32.5%
Cần cố gắng													
<b>Công nghệ</b>	384	384	100.0%					119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		263	68.5%					97	81.5%	85	61.2%	81	64.3%
Đạt		121	31.5%					22	18.5%	54	38.8%	45	35.7%
Cần cố gắng													
<b>Khoa học</b>	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		442	69.6%	74	63.8%	94	69.6%	100	84.0%	90	64.7%	84	66.7%
Đạt		193	30.4%	42	36.2%	41	30.4%	19	16.0%	49	35.3%	42	33.3%
Cần cố gắng													
<b>Thẩm mỹ</b>	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		445	70.1%	73	62.9%	101	74.8%	100	84.0%	92	66.2%	79	62.7%
Đạt		190	29.9%	43	37.1%	34	25.2%	19	16.0%	47	33.8%	47	37.3%
Cần cố gắng													
<b>Thể chất</b>	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		465	73.2%	77	66.4%	94	69.6%	100	84.0%	98	70.5%	96	76.2%
Đạt		170	26.8%	39	33.6%	41	30.4%	19	16.0%	41	29.5%	30	23.8%
Cần cố gắng													
<b>III. Phẩm chất chủ yếu</b>													
<b>Yêu nước</b>	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		528	83.1%	97	83.6%	111	82.2%	105	88.2%	117	84.2%	98	77.8%
Đạt		107	16.9%	19	16.4%	24	17.8%	14	11.8%	22	15.8%	28	22.2%
Cần cố gắng													
<b>Nhân ái</b>	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		528	83.1%	97	83.6%	111	82.2%	105	88.2%	117	84.2%	98	77.8%



+ KK trong học tập													
+ Xa trường, đi lại K.khẩn													
+ Thiên tai, dịch bệnh													
+ Nguyên nhân khác													
<b>IX. Chương trình lớp học</b>			100.0 %	100.0 %	100.0 %	100.0 %	100.0 %	100.0 %	100.0 %	100.0 %	100.0 %	100.0 %	
Hoàn thành	635	635	116	135	119	139	126	100.0 %	100.0 %	100.0 %	100.0 %	100.0 %	
Chưa hoàn thành	3	3	0.5%	2	1.7%	1	0.7%						

Số học sinh Hoàn thành chương trình lớp học:  $632/635 = 99,5\%$

Số học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học:  $03/635 = 0,5\%$

### **3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học**

Số lượng học sinh được công nhận Hoàn thành chương trình Tiểu học năm học 2024 - 2025:  $126/126 \text{ HS} = 100\%$

\* Kết quả các hội thi, cuộc thi như sau:

Kết quả cụ thể các cuộc thi và giao lưu như sau:

+ Thi TDTT học sinh: Toàn đoàn xếp thứ 15/22 trường (trong đó có: 1 HS đạt giải Nhất, 3 HS đạt giải Ba, 4 HS đạt giải Khuyến khích cấp Huyện)

+ Thi hùng biện T.Anh: Xếp thứ 15/22 trường (trong đó có 3 HS đạt giải Ba cấp Huyện)

+ Phong trào “viết chữ Đúng, chữ Đẹp” Các lớp duy trì tốt. Kết quả đánh giá viết chữ đúng, chữ đẹp: có 61 HS đạt giải cấp trường, 4 HS được chọn để tham gia đánh giá cấp Tỉnh.

+ Trong cuộc thi “Ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo sáng tạo sách điện tử về chủ đề Hành động vì khí hậu - SDG 13”: có 1 giáo viên và 1 HS tham gia và đạt giải Khuyến khích cấp Tỉnh.

+ Thi Giai điệu tuổi Hồng: có 1 HS đạt giải Nhì cấp Huyện.

+ Thi giáo viên dạy giỏi: Xếp thứ 3/23 trường. có 2 GV đạt GV Giỏi cấp Huyện và 1 GV đạt giải Nhất cuộc thi GV Giỏi cấp Tỉnh.

+ Các phong trào và cuộc thi khác: Tham gia đầy đủ và xếp loại Tốt.

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### *Công khai chi tiết nguồn*

**Biểu số 02**

**Đơn vị: Trường Tiểu học Giao Xuân**  
**Chương: 622**

### DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

*(Kèm theo Quyết định số 1035/QĐ- GDDT ngày 18/12/2024 của PGD huyện Giao Thủy)*

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

*ĐV tính: 1.000VNĐ*

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.605.391.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	7.605.391.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.199.918.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	405.473.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

**Biểu số 02**

**Đơn vị: Trường TH Giao Xuân**  
**Chương: 622**

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TCCSVC**

(Kèm theo Quyết định số 1820/QĐ- UBND ngày 21/4/2025 của UBND huyện Giao Thủy)  
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐV tính: VND

<b>Số TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán được giao</b>
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	150.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	150.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	150.000.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

**Biểu số 02**

**Đơn vị: Trường TH Giao Xuân**

**Chương: 622**

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỔ SUNG BIÊN CHẾ**

(Kèm theo Quyết định số 1821/QĐ- UBND ngày 21/4/2025 của UBND huyện Giao Thủy)  
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐV tính: VND

<b>Số TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán được giao</b>
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	

I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	86.788.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	86.788.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	86.788.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

**A. Nhà trường báo cáo quyết toán thu chi các khoản đóng góp của học sinh học kỳ II năm học 2024 - 2025. Cụ thể như sau:**

STT	Sử dụng nguồn thu	Các khoản thu
	Nội dung chi	
1	<p><b>Tiền nước uống của học sinh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi sửa chữa, bảo trì máy lọc : 18.936.000đ</li> <li>- Chi mua đồ dùng phục vụ uống nước: 10.340.000đ</li> <li>- Chi trả tiền nước sạch: 1.934.000đ</li> </ul> <p><b>Cộng: 31.210.000đ</b></p>	<p>Tổng thu tiền nước uống học kỳ II năm 2024-2025: 31.210.000đ</p>
2	<p><b>Tiền dịch vụ vệ sinh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi thuê người quét dọn vệ sinh: 40.000.000đ</li> <li>- Chi mua chổi, dẻ, bao đựng rác...: 16.214.000đ</li> </ul> <p><b>Cộng: 56.214.000đ</b></p>	<p>Tổng thu tiền dịch vụ vệ sinh học kỳ II năm học 2024-2025: 56.214.000đ</p>
3	<p><b>Tiền trông giữ xe đạp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi nộp thuế TNDN, thuế GTGT:</li> </ul>	<p><b>Tiền trông giữ xe đạp</b> Tổng thu: 11.950.000đ</p>

	1.1195.000đ - Chi thuê mướn người trông giữ xe đạp: 10.755.000đ <b>Cộng: 11.950.000đ</b>	
4	<b>Tiền dạy giáo dục kỹ năng sống</b> - Chi nộp tiền cho công ty IDUCA: 5.533.312đ - Chi 85% cho giáo viên và quản lý: 28.550.815đ - Chi 15% tăng cường CSVC: 5.038.373đ - Chi nộp 2% thuế: 685.500đ <b>Cộng: 39.808.000đ</b>	<b>Tiền dạy giáo dục kỹ năng sống</b> Tổng thu: 39.808.000đ

**C. Công khai số dư các quỹ theo quy định năm 2025 tính đến ngày 31/05/2025:**

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	VNĐ	0	
2	Số dư tiền gửi kho bạc	VNĐ	0	TK 3713.0.1087345
3	Số dư tiền gửi ngân hàng	VNĐ	0	TK 3204201006437

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Dạy thử nghiệm chương trình Giáo dục Stem: 100% các lớp, các giáo viên xây dựng được bài giảng áp dụng phương pháp dạy Stem, trong năm học tổ chức ngày hội Stem cấp trường và có sản phẩm tham dự ngày hội Stem cấp huyện, cấp tỉnh...

Trên đây là báo cáo thường niên thời điểm 31/5/2025 năm 2025 (Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường Tiểu học Giao Xuân.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT (B/c);
- Website của trường;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Xuân Trường**

